

Diễn đàn xã hội học

Người già và hệ thống an sinh xã hội

Dự án "Người già và thống an sinh xã hội ở miền Bắc Việt Nam" do Phòng Cơ cấu xã hội và chính sách xã hội thuộc Viện Xã hội học tiến hành dưới sự tài trợ của Toyota Foundation. Dự án này được khởi động từ tháng 12 năm 1991. Ngày 4-1-1992, Viện Xã hội học đã tổ chức một cuộc hội thảo để bước đầu trao đổi ý kiến về chủ đề trên với sự tham gia của các cộng tác viên chương trình thuộc các cơ quan: Viện Bảo vệ sức khỏe người có tuổi (Bộ Y tế), Trung tâm xã hội học - tin học (Học viện Khoa học xã hội Nguyễn Ái Quốc), viện Khoa học lao động và các vấn đề xã hội và Viện Bảo trợ xã hội (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội), Viện Sử học và Trung tâm dân số và phát triển (Viện Khoa học Xã hội Việt Nam). Các nghiên cứu thực địa trong năm 1991 được tiến hành chủ yếu trên địa bàn Hải Hưng, với sự bảo trợ của Ban tuyên giáo tỉnh ủy Hải Hưng.

Trong số này, mục Diễn đàn xã hội học trích in một số tham luận được trình bày trong cuộc hội thảo khoa học ấy.

Mấy ý kiến về người cao tuổi ở nông thôn Hải Hưng

LÊ TRUYỀN

Người già và hệ thống an sinh xã hội ở nước ta đang được các cơ quan và các nhà khoa học lưu tâm nghiên cứu. Chúng tôi xin góp thêm tiếng nói về người cao tuổi ở nông thôn Hải Hưng.

1. Người cao tuổi ở nông thôn là một nhóm xã hội lớn, các cụ đã có công đóng góp cho xã hội gần hết cuộc đời, đã chứng kiến và trải qua những năm gay go của nhiều cuộc chiến tranh, nhiều biến động xã hội lớn, ngày nay đang tiếp tục gánh chịu nhiều hậu quả bất lợi về kinh tế - xã hội - tâm lý và sức khỏe.

Quan tâm đặc biệt đối với người cao tuổi ở nông thôn, có chính sách xã hội đúng đắn thực chất là sự đền ơn trả nghĩa của con cháu với ông bà, cha mẹ, là đạo lý gốc của con người Việt Nam, là truyền thống nhân đạo của dân tộc, là thể hiện tính ưu việt của chế độ mới.

Nghiên cứu cơ bản và có hệ thống chính sách xã hội bảo đảm đối với người cao tuổi ở nông thôn là việc làm rất cần thiết không thể chậm trễ và giản đơn, bởi vì:

- Đối tượng người cao tuổi ở nông thôn ngày càng tăng thêm cả về số lượng và mức tuổi thọ. Ở Hải Hưng, số cụ già từ 60 tuổi trở lên chiếm gần 9% dân số. Trong 10 năm (từ 1979-1989) số cụ già tăng từ 175.442 lên 215.281 (tăng 39.838 cụ). Riêng số cụ già ở nông thôn chiếm 97% số cụ già toàn tỉnh và bình quân trong 10 năm qua, mỗi năm ở khu vực nông thôn tăng thêm 3.752 cụ. Số cụ già có tuổi thọ cao cũng tăng dần. Mặt khác, số cụ già di chuyển về quê hương (nông thôn) tăng lên, trong đó có số đông là người về hưu, vì vậy cơ cấu người già ở nông thôn cũng thay đổi nhiều so với trước đây.

- Trước những biến động hết sức lớn lao và mau lẹ trên thế giới, trước những vấn đề phát sinh trong công cuộc đổi mới, nhất là đổi mới cơ chế, chính sách trong nông nghiệp đang tác động mạnh vào đời sống tinh thần, vật chất và quan hệ xã hội của người cao tuổi ở nông thôn, đã xuất hiện nhiều vấn đề mới mẻ vừa cơ bản, vừa cấp bách cần được nghiên cứu và dự báo để có chính sách xã hội thích hợp.

- Những tâm trạng, phản ứng khác nhau và những cam chịu chua người cao tuổi ở nông thôn từ hai đặc điểm trên, đang tác động qua lại với các đối tượng dân cư khác trong gia đình và xã hội nông thôn về nhiều mặt, trước hết là về đạo đức, tâm lý, đời sống... và trở thành vấn đề xã hội.

2. Qua thực tế tìm hiểu những người cao tuổi ở nông thôn Hải Hưng, chúng tôi xin nêu ra mấy khía cạnh sau đây:

- Sự nhàn rỗi trong hoàn cảnh "lực bất tòng tâm" và ít ngũ tử lệ thuận với sự gia tăng suy tư của người già, chứa đầy những băn khoăn, trăn trở, bức dọc, lo âu về thời cuộc, về tình hình của đất nước, xóm làng, họ hàng, gia đình và bản thân. Hiện nay, điều kiện và môi trường tiếp xúc để giúp các cụ giải thoát tâm trạng này còn nhiều hạn chế.

- Trong lúc đời sống ở nông thôn nói chung còn nhiều khó khăn, thì người cao tuổi ở nông thôn là đối tượng khó khăn nhiều, đa số còn ở mức sống dưới yêu cầu tối thiểu ở đây đã xuất hiện nhiều người già cô đơn, bệnh tật, những người về hưu đủ tuổi... đời sống vật chất và tinh thần cực kỳ khó khăn. Khả năng và xu hướng "gia đình lớn" ở nông thôn giảm nhanh, người già không còn được là trung tâm nuôi dưỡng trực tiếp của tất cả con cháu.

Người cao tuổi ở nông thôn rất gắn bó với quê hương và truyền thống địa phương, hay suy nghĩ về quá khứ và khó quên chuyện cũ, muốn tìm về cội nguồn dân tộc, quê hương. Số người đi xa trở về quê hương ngày càng nhiều, những người không về quê thường cũng tham gia các Hội đồng hương, tổ chức về thăm lại quê và góp ý kiến xây dựng quê hương. Hiện nay hầu hết lực lượng nòng cốt tham gia viết sử (nhất là ở xã), viết hồi ký, viết gia phả, cùng cố họ hàng... là những người cao tuổi.

- Người cao tuổi ở nông thôn vẫn tha thiết với cuộc sống, yêu lao động và ưa làm việc nghĩa, chẳng muốn vô dụng. Ở mọi thôn xã các cụ đều tích cực tham gia trồng cây thương quý trẻ em, chăm sóc cháu chắt, trồn tình với việc hiếu, việc hỷ. Có điều kiện thì làm kinh tế (nuôi ong, trồng hoa, thả cá, làm cây con giống) hoặc truyền nghề cho con cháu.

- Các cụ có nhu cầu cần tiếp xúc với mọi người, muốn được trao đổi, thăm hỏi bạn bè, người thân quen cũ để tri kỷ, thăm con cháu nơi xa. Những người có văn hóa thường chịu khó tìm tòi thông tin, rất thích đọc sách báo, nghe đài và tham dự các cuộc nói chuyện, phần đông trong số báo cáo viên thời sự, chính sách ở nông thôn hiện nay do các cụ về hưu đảm nhiệm rất tự giác và nhiệt tình.

- Người cao tuổi ở nông thôn ngày càng có nhu cầu sinh hoạt tập thể với các hình thức đa dạng, hợp với sở thích riêng của các cụ. Vì thế, trong các Hội của người già các cụ tham gia ngày càng nhiều, và nói chung là rất tự nguyện, gắn bó và khá bền vững (Hội bảo thọ, Hội từ thiện, Hội chùa, Hội chữ thập đỏ, Hội làm vườn, Hội cây cảnh, Hội thả chim và gần đây là Hội cựu chiến binh...).

- Người cao tuổi ở nông thôn quen sống căn cơ, tiết kiệm, nề nếp, kỷ cương. Các cụ phản đối mạnh mẽ những hiện tượng tha hóa, lãng phí, lai căng và lối sống buông thả của con cháu và ngoài xã hội.

- Một thực tế khác là số đông người già ở nông thôn dù muốn cũng không đạt được mức hoạt động tâm lý, tinh thần tích cực nói trên, mà nguyên nhân chủ yếu là bệnh tật và sức khỏe, tâm thần giảm sút cùng với sự thiếu hụt nhiều thông tin. Do là điều cần hiểu rõ và thông cảm sâu sắc với các cụ để có hướng khắc phục.

3. Có chính sách bảo đảm xã hội đối với người già. Người cao tuổi là tài nguyên xã hội cần được trân trọng. Các cụ là lớp người già gìn giữ vốn văn hóa, đạo đức truyền thống, các kinh nghiệm và có một tấm lòng trong sáng.

Cần tiến tới có hệ thống chính sách bảo đảm xã hội cho người cao tuổi nói chung và người cao tuổi ở nông thôn, nhằm cải thiện hoàn cảnh sống và vai trò xã hội của người già trong gia đình và cộng đồng nông thôn, góp phần quan trọng bảo đảm ổn định xã hội, tính liên tục xã hội, làm yên dân và đẹp xã hội mới trong quá trình thực hiện đổi mới ở nông thôn nước ta.

Đời sống người già trong hệ thống an sinh xã hội

MẠC VĂN TIẾN

An sinh xã hội là một phạm trù kinh tế tổng hợp, chịu sự tác động tổng thể của các mối quan hệ kinh tế - chính trị - xã hội, là tất yếu khách quan của mọi xã hội. Ngày nay trên thế giới an sinh xã hội phát triển rất phong phú với nhiều hình thức khác nhau và đã trở thành một trong những chỉ tiêu đánh giá trình độ văn minh, sức mạnh kinh tế và trình độ quản lý của một quốc gia.

Ở nước ta an sinh xã hội đã xuất hiện từ lâu nhưng chỉ từ sau Cách mạng tháng 8/1945 mới trở thành quốc sách, phục vụ lợi ích cho nhân dân lao động. Từ sau năm 1954, nhiều chính sách về an sinh xã hội được ban hành như các chính sách bảo hiểm xã hội đối với công nhân viên chức Nhà nước; chính sách cứu trợ xã hội đối với người già cô đơn, trẻ em mồ côi, người tàn tật; chính sách ưu đãi đối với thương bệnh binh, gia đình liệt sĩ, những người có công, v.v.. Các chính sách, chế độ này đã góp phần đảm bảo cuộc sống cho nhiều tầng lớp dân cư khi họ bị giảm khả năng lao động hoặc bị những rủi ro, bất hạnh phước. Tuy nhiên trong cơ chế tập trung, bao cấp, các chính sách về an sinh xã hội dần dần bộc lộ những hạn chế. Mong muốn thâm tóan bộ hoạt động an sinh xã hội (và nhiều lĩnh vực khác) về một mối tập trung là Nhà nước, trong khi khả năng của nền kinh tế và trình độ quản lý có hạn đã dẫn đến một thực tế hệ thống an sinh xã hội bị rối loạn, chông chéo, mục đích và hiệu quả xã hội của an sinh xã hội đều không thực hiện đúng. Hiện nay, khi nền kinh tế nước ta chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước gồm nhiều thành phần kinh tế, nhiều loại quan hệ lao động và quan hệ xã hội đa dạng thì các chính sách an sinh xã hội đã có, không còn phù hợp nữa. Trong cơ chế mới, an sinh xã hội phải được thay đổi cả về bản chất và hình thức. Các tiềm năng của cá nhân, cộng đồng và xã hội phải được phát huy tối đa để phục vụ lại cho cuộc sống của chính từng cá nhân, cộng đồng và toàn xã hội.

*

* *

Từ kết quả của cuộc khảo sát với 250 người về hưu ở Hà Nội và 100 người về hưu ở nông thôn Hà Bắc, chúng tôi có một số nhận xét sau:

1. Đời sống của người hưu trí ở đô thị

Trong các chính sách an sinh xã hội của Việt Nam trong giai đoạn qua, các chính sách về bảo hiểm xã hội đối với công nhân viên chức, trong đó có chính sách về hưu là một trong

các chính sách lớn. Chế độ hưu đã góp phần ổn định cuộc sống của một bộ phận người già nước ta sau khi họ đã hết tuổi lao động. Tuy nhiên, cùng với sự biến động về kinh tế, hệ thống bảo hiểm xã hội hiện hành bộc lộ nhiều hạn chế. Một trong những hạn chế đó là mức trợ cấp bảo hiểm xã hội thấp. Đối với chế độ hưu, mặc dù chế độ trợ cấp hưu so với lương là cao, nhưng do đồng lương quá ít ỏi so với nhu cầu chi tiêu thực tế nên mức trợ cấp hưu trở nên không có ý nghĩa bảo đảm kinh tế.

Khác với nhiều nước, nói lương hưu cùng với những hệ thống trợ cấp xã hội khác làm cho cuộc sống người về hưu được bảo đảm, ở nước ta lương hưu đã thấp, lạm phát lại tăng nhanh nên đời sống của người già hưu trí càng khó khăn hơn (qua cuộc điều tra về đời sống người về hưu tại một số địa bàn nội thành Hà Nội (năm 1990), chúng tôi thấy trên 60% số người về hưu cho rằng khó khăn chính của bản thân gia đình họ là thu nhập quá thấp. Số tiền trợ cấp hưu chỉ chiếm 35% trong tổng thu nhập của người về hưu. Nghĩa là sau khi về hưu, những người này vẫn phải làm việc để có thêm tiền chi dùng cho nhu cầu thiết yếu. Ở thành phố đa số người về hưu làm các loại dịch vụ như bán hàng nước, sửa chữa xe đạp, trông trẻ, v.v... Còn ở những vùng ngoại ô, các cụ làm các nghề như chăn nuôi, làm vườn, trồng cây cảnh, v.v... Thu nhập từ những việc làm thêm này chiếm tới 65% trong tổng thu nhập của người về hưu. Tuy nhiên tổng thu nhập này cũng chỉ đáp ứng được 2/3 nhu cầu chi tiêu của họ. Thực tế cho thấy, số tiền trợ cấp hưu chỉ đáp ứng được nhu cầu ăn uống ở mức tối thiểu của người về hưu. Những nhu cầu khác như nhà ở, đi lại, giao tiếp xã hội, v.v... chủ yếu được chi từ nguồn làm thêm của các cụ và con cháu trợ giúp. Điều đó cho thấy hệ thống an sinh xã hội trong chế độ bao cấp đã tỏ ra không hiệu quả thì trong cơ chế thị trường sẽ càng tỏ ra lạc hậu hơn nếu không có sự phối hợp của các loại hình bảo đảm xã hội thích hợp khác.

Một điều nổi bật trong đời sống người già hưu trí là vấn đề sức khỏe. Do sự chuyển đổi môi trường (đang công tác phải về nghỉ, đang ở môi trường công tác ở thành thị phải chuyển về quê sinh sống, v.v...), phải làm nhiều việc nặng nhọc để kiếm sống mà sức khỏe của người về hưu giảm sút nhanh chóng. Có tới 1/3 số người về hưu sức khỏe kém hoặc rất kém so với trước khi nghỉ hưu (đặc biệt đối với những cụ có lương hưu thấp). Chỉ có khoảng 7-8% số cụ về hưu sức khỏe khá lên. Đây là một thực trạng rất đáng lo ngại mà hệ thống an sinh xã hội cần phải lưu tâm giải quyết. Ngoài ra còn một vấn đề nữa nổi lên trong cuộc sống của người về hưu, đó là cuộc sống tinh thần. Khi còn đang tại chức, các mối quan hệ công tác, quan hệ xã hội làm cho cuộc sống tinh thần của người tại chức đa dạng, sinh động và phong phú. Nhưng đến khi về hưu những mối quan hệ này giảm đi hoặc không còn nữa. Vị thế của người về hưu đối với xã hội và gia đình đã thay đổi căn bản. Điều này làm cho người về hưu rơi vào trạng thái hẫng hụt về tinh thần. Một số người (nhất là những người có lương hưu cao, có chức vụ cao khi tại chức) cảm thấy cuộc sống hưu trí rất cô đơn và buồn tẻ. Họ chỉ quần quanh trong bốn bức tường hoặc vườn nhà, rất ít giao tiếp. Qua phỏng vấn, chúng tôi thấy có đến 40% số cụ được hỏi cho rằng cuộc sống tinh thần sau khi về hưu kém đi rất nhiều. Thiết nghĩ trong hệ thống an sinh xã hội, các chính sách đảm bảo về mặt tinh thần cho người già nói chung và người về hưu nói riêng cũng cần phải có vị trí xứng đáng.

2. Đời sống của người già nông thôn Việt Nam

Một đặc điểm nổi bật trong cuộc sống của các cụ già ở nông thôn Việt Nam là gắn cả cuộc đời với đồng ruộng quê hương. Cuộc sống của các cụ hầu như chỉ giới hạn trong tuy tre làng. Nhiều cụ từ khi sinh ra cho đến lúc già không ra khỏi phạm vi huyện, tỉnh.

Khác với nhiều nước trên thế giới, nơi mà xu thế người già sống độc thân và chỉ có hai vợ chồng già sống với nhau tăng lên, ở Việt Nam đã có sự thay đổi từ truyền thống đại gia đình với nhiều thế hệ cùng chung sống, đến xu hướng phân chia thành các tiểu gia đình với một hoặc hai thế hệ chung sống. Qua các cuộc khảo sát, chúng tôi thấy số đông người già Việt Nam vẫn sống cùng con cháu. Ở nông thôn tỷ lệ người già sống cùng con cháu chiếm 48,32%. Trong các đại gia đình này, vị thế của người già vẫn được coi trọng đáng kể. Họ vẫn là những người có tiếng nói quyết định trong đời sống gia đình, dòng họ hoặc ý kiến của họ vẫn có "trọng lượng" trong các mối quan hệ cộng đồng làng, xã. Tuy nhiên cùng với việc sản xuất hàng hóa ở nông thôn, lớp trẻ nông thôn với những kiến thức kinh nghiệm làm ăn được thu thập từ nhiều nguồn

thông tin khác nhau đã dần dần vượt tầm hiểu biết, vượt ra khỏi phạm vi làng, xã. Vì thế vị trí, tiếng nói của các cụ già nông thôn đã bắt đầu có xu hướng giảm đi. Hoàn cảnh sống của các cụ già đã có sự biến đổi. Hiện nay ở nông thôn Việt Nam, số gia đình chỉ có hai với chồng già sống với nhau đã chiếm tới 13,48%, trong khi đó đối với các cụ về hưu ở thành phố, tỷ lệ này chỉ có 9,24%. Đây là một xu hướng mới ở nông thôn hiện nay mà hệ thống an sinh xã hội cũng cần thiết phải chú ý tới. Bởi lẽ khi các cụ tuổi càng cao thì khả năng ốm đau càng lớn. Nếu không có sự lưu tâm đặc biệt của xã hội (về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, v.v...) thì đời sống của gia đình các cụ già sẽ rất khó khăn nếu như một trong hai cụ hoặc cả hai cụ bị ốm đau

Qua điều tra chúng tôi thấy có tới trên 50% các cụ có sức khỏe kém, đau yếu thường xuyên, hoặc hay đau yếu, chỉ có 15,74% các cụ già có sức khỏe khá. Điều này cũng nói lên thực tế là ở nông thôn, các cụ già sống trong điều kiện hết sức khó khăn về vật chất và các dịch vụ y tế. Sau gần hết cuộc đời gắn bó với đồng ruộng trong điều kiện vất vả, nay về già, đại đa số các cụ vẫn ít nhiều tiếp tục tham gia lao động sản xuất vì kế sinh nhai. Vì vậy sức khỏe các cụ giảm sút rất nhanh. Khi khảo sát thực tế chúng tôi thấy có những cụ, số tiền chi cho thuốc men, bệnh viện đã chiếm tới 2/3 nhu cầu chi tiêu của bản thân. Ở các cụ già từ 60 tuổi trở lên, trên 1/2 số cụ có sức khỏe rất kém. Với mục tiêu nâng cao tuổi thọ cho dân cư thì ở nhóm các cụ già cao tuổi cần phải có sự quan tâm nhiều hơn nữa của cộng đồng và xã hội, đặc biệt là sự quan tâm về mặt y tế và các dịch vụ khác trong hệ thống an sinh xã hội như nhà nghỉ, nhà dưỡng lão, v.v..

Cũng như các cụ già hưu trí ở thành thị, trong đời sống của các cụ già ở nông thôn, thu nhập thấp và sức khỏe yếu là vấn đề đáng quan tâm hơn cả. Có tới 40,19% các cụ già ở nông thôn cho rằng khó khăn lớn nhất của các cụ hiện nay là thu nhập quá thấp, 38,32% số cụ cho rằng khó khăn nhất của các cụ là sức khỏe quá yếu. Ngoài các vấn đề kinh tế và sức khỏe, đời sống tinh thần của các cụ già nông thôn cũng rất cần phải lưu ý tới. Đại đa số các cụ già có cuộc sống khá bình dị, vui vầy cùng con cháu theo truyền thống tốt đẹp của người nông thôn Việt Nam. Tuy nhiên có một điều nổi lên là, cùng với các biến động về kinh tế và xã hội chung của cả nước, ở nông thôn cũng đã xuất hiện những xu hướng của các cụ già, đặc biệt là các cụ già cao tuổi phải sống trong tình cảnh thiếu sự quan tâm, chăm sóc của con cháu hoặc của xã hội. Chỉ ở một vùng nhỏ trong số các điểm điều tra, trong nhóm các cụ già trên 70 tuổi được hỏi ý kiến có tới 21,43% số cụ cho rằng không được con cháu quan tâm tới, hiện phải sống âm thầm cho hết quãng đời còn lại.

Một số vấn đề xã hội của mấy nhóm người già ở nông thôn Bắc Bộ hiện nay.

PHẠM VĂN PHÚ

Vì thế và vai của người già ở nước ta nói chung và ở nông thôn nói riêng hiện nay có ảnh hưởng rất lớn, tác động trên cả 2 mặt tích cực và tiêu cực trong đời sống xã hội. Những cứ liệu khảo sát ở các xã Đông Dương (Đông Hưng, Thái Bình), Hải Vân (Hải Hậu, Nam Hà), Đa Tốn (Gia Lâm, Hà Nội)* trong mấy năm gần đây cho thấy, ở đây đang có tới 66,8% đến

*. Điều tra Xã hội học do Phòng Xã hội học Nông thôn, Viện Xã hội học tiến hành trong các năm 1991, 1992

75,7% trong tổng số người già vẫn tiếp tục hoạt động trong nền sản xuất xã hội và có từ 4,5 đến 18,7% vẫn còn hoạt động trong các lĩnh vực khác

So với người già ở thành thị, đời sống của người già ở nông thôn từ ăn, mặc, ở và những tiện nghi sinh hoạt khác đều thấp kém hơn nhiều. Những cứ liệu khảo sát ở các xã Đông Dương, Hải Vân và Đa Tốn cho thấy, phần lớn người già sống ở nông thôn đều có mức sống rất thấp, ở đây còn có trên dưới 50% người già nằm trong tình trạng thiếu ăn, số người già có mức sống khá giả còn quá ít. Hơn 2/3 số người già ở các xã nói trên chỉ có mức chi tiêu cho ăn uống chưa vượt quá 50.000 đồng/1 người/tháng, chỉ có 5,3% đến 11,2% người già có mức chi tiêu cho ăn uống trên 60.000 đồng/người/tháng. Điều đáng chú ý là chất lượng bữa ăn của họ quá thấp và số quần áo mà họ mua sắm được đều là những thứ vải rẻ tiền.

Nhà ở và những phương tiện sinh hoạt, đặc biệt là những phương tiện sinh hoạt văn hóa của họ rất đơn sơ và thiếu thốn. Những cứ liệu khảo sát ở Đông Dương, Hải Vân và Đa Tốn cho thấy, ở đây còn có từ 10% đến 18% người già vẫn sống trong những mái nhà tranh tre và phần lớn người già phải sống tựa vào con cái của họ. Vẫn còn có từ 60% đến 70% người già không có những phương tiện sinh hoạt văn hóa như radiô, cát sét và ti vi... Trước đây, đa số người già nghe tin tức thời sự vẫn phải nhờ vào hệ thống thông tin của xã. Nhưng mấy năm nay, cơ sở thông tin - văn hóa của các xã xuống cấp, bởi vậy việc sinh hoạt văn hóa, giải trí của họ càng gặp khó khăn hơn.

Cùng với việc xóa bỏ bao cấp và do chính sách khoán tới hộ, trong những năm gần đây vai trò xã hội của hợp tác xã đối với những người già cũng khác trước: quy phúc lợi ngày càng teo đi, cùng với ngân sách nghèo, không trả được trợ cấp và cũng như không còn chế độ điều hòa lương thực như trước đây. Bởi vậy, các hợp tác xã cấp đất cho họ với định suất từ 1 sào đến 1,2 sào/người. Nhưng những người già vốn đã hết sức lao động không thể làm được những công việc cày bừa nặng nhọc, lại thiếu vốn, làm cũng không đủ ăn. Do đó, hiện vẫn có hơn 2/3 trong tổng số người già ở mỗi xã hội vẫn phải nhờ vào con cái giúp vốn hoặc làm hộ.

Bởi vậy, nếu như 4 quận nội thành Hà Nội còn có hơn 39,6% trong tổng số người già phải làm thêm bằng những nghề giản đơn¹ để tăng thu nhập thì ở nông thôn còn có từ 70% đến 80% người già buộc phải làm thêm bằng nhiều nghề, số còn lại hoàn toàn trông chờ vào thu nhập của con cháu mới đủ ăn và đáp ứng được một số nhu cầu cần thiết như thuốc men khi ốm đau và vải mặc.

Trong khi đó nhiều vườn cây vườn quả ở các địa phương mang tính chất ưu đãi đối với người già bị phá bỏ. Các cơ sở sản xuất trong đó có người già tham gia không có nguyên hệ dẫn đến ngưng trệ sản xuất, không có việc làm, họ lâm vào tình trạng sống thiếu thốn hơn và từ nguồn ngân sách do xã cấp giảm dần, dẫn đến các cơ sở y tế ở nông thôn xuống cấp nghiêm trọng thiếu thuốc phòng và chữa bệnh thông thường, cho nên mọi nhu cầu thiết yếu nhất của người già ở đây đã không được đáp ứng. Những sinh hoạt trong đời sống tinh thần như sinh hoạt câu lạc bộ người và, sinh hoạt thời sự, đọc sách báo... nói chung gần như thiếu hẳn

Ở nông thôn hiện nay, đang tồn tại nhiều nhóm người già có hoàn cảnh và đời sống xã hội tương đối khác nhau - đó là nhóm những người già hưu trí và nhóm những người nông dân hết tuổi lao động.

Xét trên bình diện tổng thể, số người già nghỉ hưu ở nông thôn rất lớn so với thành thị, nhưng so với số lượng những người nông dân hết tuổi lao động trong từng xã, họ lại chiếm một tỷ lệ không lớn và thường sống rải rác trong các làng xóm. Ít có một sự liên hệ chặt chẽ với nhau.

Do có nguồn thu nhập tương đối ổn định, phần lớn những người già hưu trí thường có mức sống cao hơn số đông những người nông dân hết tuổi lao động, họ ít có trường hợp lâm vào cảnh thiếu ăn. Bởi vậy đa số người già nghỉ hưu có đời sống sinh hoạt từ ăn, mặc ở và những tiện nghi sinh hoạt khác đều hơn hẳn phần đông những người nông dân hết tuổi lao động.

¹. Nguyễn Nguyên Người già – vấn đề xã hội cần quan tâm, báo Nhân dân, số 13351 (10-6-1991), trang 3.

Về ăn uống, trong khi chỉ có 2,5% đến 6,8% số người già nghỉ hưu có mức chi tiêu thấp dưới 50.000đ/người/tháng thì có từ 67,5% đến 76,8% những nông dân hết tuổi lao động sống dưới mức chi tiêu đó (tính % theo tổng số người già theo mỗi nhóm).

Về mặc, hiện nay còn có từ 30,3% đến 43,5% những người nông dân hết tuổi lao động mỗi năm chỉ may sắm được dưới một bộ quần áo trong khi chỉ có từ 2,6% đến 5,4% trong tổng số người già về hưu có mức chi tiêu cho may sắm quá thấp này.

Rõ nét hơn cả là sự chênh lệch rất lớn giữa hai nhóm người già này ở nông thôn về các phương tiện sinh hoạt văn hóa và sự khác biệt trong đời sống tinh thần. Trong khi ở đây còn có từ 60% đến 65% trong tổng số những nông dân hết tuổi lao động thiếu hẳn mọi thứ phương tiện sinh hoạt văn hóa thì chỉ có từ 5% đến 6% trong tổng số người già nghỉ hưu thiếu các phương tiện đó. Bởi vậy, trong lúc đã có từ 16% đến 20% những người già nghỉ hưu thường xuyên được xem ti vi thì chỉ có từ 5% đến 6% những người nông dân hết tuổi lao động thường xuyên được thưởng thức văn hóa nghệ thuật bằng phương tiện hiện đại này.

Đặc biệt là những người già về hưu trước năm 1985, do khiếm khuyết của chế độ bảo hiểm, đời sống và nhu cầu tối thiểu của họ đã không được bảo đảm từ ăn, mặc, ở và những phương tiện sinh hoạt khác, đời sống chủ yếu của họ là nhờ vào thu nhập của con cháu.

Trong mấy năm gần đây, nhóm người già lâm vào tình cảnh khó khăn nhất là những thân nhân hết SI và những người già không nơi nương tựa. Hai nhóm người già này hiện nay hiếm khoảng từ 10% đến 15% trong tổng số người già ở mỗi xã, phần lớn là phụ nữ.

Trước đây, khi còn cơ chế bao cấp họ được nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước và hợp tác xã cấp nhưng hiện nay họ chỉ được đưa một mảnh đất ưu tiên, vừa thiếu vốn lại mất hết sức lao động, đang lâm vào tình trạng thiếu ăn quanh năm.

Về chăm lo đời sống người già ở nông thôn Hải Hưng

NGUYỄN VĂN TUẤN

Qua số liệu điều tra của Trung tâm xã hội học - tin học; Học viện Nguyễn Ái Quốc và Ban Tuyên giáo tỉnh ủy Hải Hưng; số liệu của nhóm nghiên cứu về người già của Viện xã hội học, Viện hoa học xã hội Việt Nam, chúng tôi xin nêu một số ý kiến sau đây.

Để hiểu rõ đời sống và sinh hoạt của người già nông thôn chúng tôi chia người già ở các điểm điều tra (từ 60 tuổi trở lên) thành hai đối tượng chính: 1 - những người còn phải tiếp tục sản xuất với tư cách 18 chủ hộ và 2 - những người được nghỉ ngơi hoàn toàn hưởng chế độ hưu nông nghiệp. (Người già là cán bộ, công nhân viên và lực lượng vũ trang về hưu sống ở nông thôn không đề cập đến ở đây.)

1. Thực trạng sản xuất và đời sống của người già còn phải trực tiếp tham gia sản xuất.

Những người già còn phải trực tiếp sản xuất thường do: có con, cháu chưa trưởng thành hoặc một số ít người có điều kiện riêng về vốn, tay nghề hay kinh nghiệm sản xuất. So với toàn bộ những người đang sản xuất nông nghiệp, những người già đánh giá cuộc sống của gia đình mình là: (xem bảng 1)

Bảng 1 : Ông (bà) tự đánh giá về mức sống

Loại hộ Mức đánh giá	(%)	
	<u>Chung toàn bộ nông dân</u>	<u>Hộ người già</u>
- Đầy đủ	10,8	10,5
- Bình thường	62,2	55,5
- Thiếu thốn	20,1	23,9
- Rất thiếu	6,6	9,9

Để hiểu được hơn đời sống của hộ người già, chúng ta xem xét thêm sự tác động của chính sách mới và của các điều kiện sản xuất hiện nay tới sự thay đổi đời sống của họ so với xã hội. Kết quả trả lời câu hỏi đời sống của gia đình năm 1990 so với năm 1989 như sau: (Xem bảng 2) .

Bảng 2 : Ông (bà) đánh giá và đời sống năm 1990 so với năm 1989.

Loại hộ Trả lời	%	
	<u>Chung toàn bộ nông dân</u>	<u>Hộ người già</u>
- Khá hơn nhiều	9,0	6,5
- Khá hơn một chút	46,8	32,9
- Vẫn như cũ	33,0	42,5
- Kém hơn một chút	7,8	12,5
- Kém hơn nhiều	3,1	5,3

Từ những con số trên chúng tôi nhận thấy rằng trong điều kiện sản xuất ở nông thôn hiện nay, những hộ người già còn phải trực tiếp sản xuất là tầng lớp gặp nhiều khó khăn nhất. Số hộ rơi vào tình trạng thiếu thốn và rất thiếu thốn là 33,8%, trong khi đó loại hộ này trong toàn bộ nông dân nói chung là 26,7%. Đặc biệt chi báo về thay đổi của đời sống gia đình thì số hộ người già đời sống kém hơn một chút và kém hơn nhiều so với năm trước là 17,8% cao hơn nhiều so với toàn bộ nông dân nói chung là 10,9%. Về bình quân lương thực qui thóc 67,28% số hộ người già ở mức dưới 200 kg/người/năm là con số đáng lo ngại. Có lẽ con số là số hộ người già đánh giá cuộc sống đầy đủ là những hộ có vốn, tay nghề và kinh nghiệm đang cùng con, cháu tiếp tục sản xuất kinh doanh. Nguyên nhân cơ bản của tình trạng này, là ở những hộ già do tuổi cao sức yếu, nếp nghĩ và cách thức tổ chức lao động truyền thống không đáp ứng được những yêu cầu của sản xuất hiện nay - yêu cầu hộ nông dân trở thành đơn vị tự chủ sản xuất kinh doanh. Điều này càng được khẳng định khi biết rằng khả năng đáp ứng các khâu của sản xuất và các công cụ thông thường để sản xuất của hộ người già và toàn bộ hộ nông dân nói chung là không chênh lệch nhau nhiều. Nhưng dù điều kiện công cụ gần như nhau, do tuổi cao, sức yếu, do hạn chế của phong cách tính toán cũ nên hộ già khó năng động để tự chủ sản xuất kinh doanh cho mình và cũng khó khăn trong việc sử dụng hết công suất những công cụ mình có.

Tóm lại, tuổi tác cao, sức khỏe yếu là nguyên nhân chính khiến cho những hộ già còn trực tiếp sản xuất rơi vào tình trạng sản xuất yếu kém, đời sống thiếu thốn khó khăn.

2. Việc bảo đảm điều kiện sinh hoạt vật chất cho người già không còn phải trực tiếp sản xuất ở nông thôn:

Chúng tôi cho rằng, ở nông thôn hiện nay có 3 tổ chức đóng vai trò quyết định tới đời sống vật chất của người già thuộc đối tượng này là hợp tác xã, gia đình và hội bảo thọ.

- Hợp tác xã là tổ chức đảm bảo nguồn thu nhập ổn định nhất cho người già. Hàng năm hợp tác xã biểu hoặc bán cho các cụ già một lượng lương thực qui thóc nhất định (ở hợp tác xã An Điền, Nam Thanh, Hải Hưng là 20 kg). Ngoài ra mỗi cụ còn được nhận một phần ruộng để sản xuất (ít hơn ruộng của người trong độ tuổi lao động).

- Gia đình gồm các con, cháu của người già đảm bảo thu nhập, điều kiện sinh hoạt cho họ ở hai khía cạnh sau: một, giúp đỡ về công lao động để biến những khả năng do hợp tác xã tạo ra thành hiện thực; hai, hỗ trợ chi tiêu khác cho các cụ.

- Hội bảo thọ ở nông thôn góp phần đảm bảo điều kiện sinh hoạt vật chất cho các cụ ở mức rất hạn chế. Do vốn, quỹ có hạn lại không được hưởng lãi suất ổn định trong khi sức mua của đồng tiền luôn thay đổi nên chỉ khi ốm đau các cụ mới được biểu quà thường chỉ một lần với giá trị nhỏ (ở An Điền là 5.000 đồng). Từ đó, chúng tôi có mấy nhận xét.

Thứ nhất. Điều kiện sinh hoạt vật chất của người già (kể cả bộ phận còn phải trực tiếp sản xuất) ở nông thôn còn rất thấp và không ổn định. Nhiều người phải chịu cảnh thiếu thốn lương thực, kham khổ về thực phẩm. Hơn 90% các cụ hưu nông nghiệp đều ăn riêng với mức lương thực như trên (khoảng 220 kg/năm) nhưng chỉ có từ 14,5% đến 20% cụ có khoản thu thêm do con cháu trợ giúp hoặc nhờ chăn nuôi. Các khoản chi tiêu khác, nhất là tiền mua một số loại thuốc chữa bệnh thông thường, tiền phục vụ cho một vài nhu cầu cá nhân khác nhiều cụ không thể tự đáp ứng được.

Thứ hai: Do các cụ tuổi cao, sức yếu không trực tiếp làm ruộng được nên hoặc phải trông cháu hay làm những việc khác để con cháu làm ruộng giúp, hoặc phải thuê người làm dẫn đến thu nhập chính bị giảm đi, hay bị lệ thuộc vào người khác, đó là điều nhiều người già không muốn.

Thứ ba: Đối với hợp tác xã, ruộng đất giao cho các cụ già thực chất không trở thành đất kinh doanh được, (có nơi gọi đây là đất bao cấp) vì nó được trao cho những người không còn khả năng sản xuất, do đó không tận dụng được hết khả năng của đất đai.

3. Suy nghĩ về giải pháp thực hiện chính sách xã hội - chăm lo đời sống người già ở nông thôn.

3.1. Có thể nghiên cứu và đề ra chính sách để người già trong hoàn cảnh nào cũng được nghỉ ngơi không còn phải trực tiếp sản xuất. Khi chưa có được chính sách ấy, hộ người già còn phải sản xuất nên được ưu tiên địa điểm canh tác thuận tiện, đất đai dễ làm, dễ thu hoạch.

3.2. Có thể thử nghiệm theo hướng: sử dụng đất dành cho các cụ hưu nông nghiệp theo cách đấu thầu. Phần vượt sản do đấu thầu và cộng với phần cấp bổ sung từ hợp tác xã sẽ được dành để phân phối đồng đều cho các cụ. Với cơ chế khoán 10, các hợp tác xã có thể làm được điều này và việc đó có những ích lợi sau :

- Ruộng đất được giao đúng cho người có khả năng sản xuất kinh doanh.

- Năng suất của những ruộng đó sẽ cao và đồng đều hơn vì nó chỉ được giao cho những người biết làm ruộng, biết kinh doanh.

3.3. Nhà nước nên xem xét qui chế lãi suất ổn định và ưu đãi đối với tiền gửi của các hội bảo thọ; nên thực hiện chế độ khám và phát thuốc không thanh toán đối với một số loại thuốc chữa bệnh thông thường cho người già ở nông thôn.